

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN [Dự phòng]
Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024

Mã học phần: DAC0210

Tên học phần: Kế toán Công

Mã nhóm lớp học phần: 231_DAC0210_01

Thời gian làm bài (phút): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có (**Chỉ sử dụng Tài liệu giấy**) Không

Cách thức nộp bài phần tự luận: Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 ĐIỂM): (10 câu x 0,4 điểm/câu)

Câu 1: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 1a: Đơn vị nào sau đây không áp dụng Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp?

- A. Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước .
- B. Đơn vị sự nghiệp công.
- C. Tổ chức chính trị - xã hội.
- D. Cơ quan nhà nước.

ANSWER: A

Câu 1b: Đối với cơ quan nhà nước, nguồn nào sau đây mà cơ quan không có?

- A. Thu sự nghiệp.
- B. Kinh phí NSNN cấp.
- C. Viện trợ, tài trợ.
- D. Vốn vay, vốn huy động.

ANSWER: A

Câu 2: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 2a: Mua vật liệu X về nhập kho bằng nguồn ngân sách, giá mua chưa thuế giá trị gia tăng 4.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng 400.000 đồng, chi phí vận chuyển mua vật liệu đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 121.000 đồng. Trị giá kế toán ghi tăng cho tài khoản 152 là bao nhiêu?

- A. 4.521.000 đồng
- B. 4.400.000 đồng
- C. 4.100.000 đồng
- D. 4.120.000 đồng

ANSWER: A

Câu 2b: Mua vật liệu X về nhập kho bằng nguồn ngân sách, giá mua chưa thuế giá trị gia tăng 3.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng 300.000 đồng, chi phí vận chuyển mua vật liệu đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 121.000 đồng. Trị giá kế toán ghi tăng cho tài khoản 152 là bao nhiêu?

- A. 3.421.000 đồng
- B. 3.300.000 đồng
- C. 3.100.000 đồng
- D. 3.120.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 3a: Đơn vị mua 1 tài sản cố định dùng cho hoạt động hành chính sự nghiệp có giá thanh toán là 44.000.000đ, trong đó thuế giá trị gia tăng là 4.000.000đ. Chi phí trước khi sử dụng là 2.000.000đ. Vậy nguyên giá của tài sản cố định là bao nhiêu?

- A. 46.000.000đ
- B. 44.000.000đ
- C. 42.000.000đ
- D. 50.000.000đ

ANSWER: A

Câu 3b: Đơn vị sự nghiệp mua 1 tài sản cố định dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh có giá thanh toán là 44.000.000đ, trong đó thuế giá trị gia tăng được khấu trừ là 4.000.000đ. Chi phí trước khi sử dụng là 2.000.000đ. Vậy nguyên giá của tài sản cố định là bao nhiêu?

- A. 42.000.000đ
- B. 44.000.000đ
- C. 46.000.000đ
- D. 50.000.000đ

ANSWER: A

Câu 4: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 4a: Chuyển tiền gửi kho bạc thanh toán nợ cho nhà cung cấp, cuối kỳ vẫn chưa nhận được giấy báo Nợ từ kho bạc, kế toán ghi:

- A. Nợ TK 113/Có TK 112
- B. Nợ TK 331/Có TK 113
- C. Nợ TK 331/Có TK 112
- D. Nợ TK 113/Có TK 331

ANSWER: A

Câu 4b: Đầu kỳ nhận giấy báo Nợ số tiền đã chuyển khoản tạm ứng tiền công tác phí cho cán bộ viên chức vào cuối tháng trước, kế toán ghi:

- A. Nợ TK 141/Có TK 113
- B. Nợ TK 141/Có TK 112
- C. Nợ TK 113/Có TK 141
- D. Nợ TK 337/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 5: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 5a: Giá trị nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê, chưa xác định nguyên nhân, chờ xử lý, phải theo dõi như là?

- A. Khoản phải thu khác
- B. Khoản thu nhập khác
- C. Khoản phải trả khác
- D. Khoản chi phí khác

ANSWER: A

Câu 5a: Giá trị nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê, chưa xác định nguyên nhân, chờ xử lý, phải theo dõi như là?

- A. Khoản phải thu khác
- B. Khoản thu nhập khác
- C. Khoản phải trả khác
- D. Khoản chi phí khác

ANSWER: A

Câu 6: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 6a: Trong đơn vị Hành chính sự nghiệp không có Sản xuất kinh doanh khi phát sinh liên quan đến chi mua công cụ dụng cụ nhập kho, kế toán ghi vào tài khoản?

- A. TK 611, TK612, TK 614
- B. TK 511, TK 512, TK 514
- C. TK 642, TK 652, TK 632
- D. TK 515, TK 512, TK 514

ANSWER: A

Câu 6b: Trong đơn vị Hành chính sự nghiệp có Sản xuất kinh doanh khi phát sinh liên quan đến chi mua công cụ dụng cụ phục vụ cho sản xuất kinh doanh, kế toán ghi vào tài khoản?

- A. TK 642, TK 154
- B. TK 511, TK 512, TK 514
- C. TK 611, TK612, TK 614
- D. TK 515, TK 512, TK 514

ANSWER: A

Câu 7: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 7a: Tại đơn vị HCNS A có số dư cuối năm của một số tài khoản: TK 511: 300.000.000đ; TK 531: 500.000.000đ; TK 611: 290.000.000đ; Tk 642: 180.000.000đ; TK 811: 80.000.000; TK 632: 300.000.000. Hỏi đáp án nào dưới đây phản ánh bút toán xác định kết quả hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

- A. Nợ TK 9111: 10.000.000/Có TK 4211: 10.000.000
- B. Nợ TK 4211: 10.000.000/Có TK 9111: 10.000.000
- C. Nợ TK 9111: 50.000.000/Có TK 4211: 50.000.000
- D. Nợ TK 4211: 50.000.000/Có TK 9111: 50.000.000

ANSWER: A

Câu 7b: Tại đơn vị HCNS A có số dư cuối năm của một số tài khoản: TK 511: 300.000.000đ; TK 531: 500.000.000đ; TK 611: 290.000.000đ; Tk 642: 180.000.000đ; TK 811: 80.000.000; TK 632: 300.000.000. Hỏi phát sinh bên Nợ TK 9111 là bao nhiêu.

- A. 300.000.000đ
- B. 560.000.000đ

C. 850.000.000đ

D. 480.000.000đ

ANSWER: A

Câu 8: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 8a: Trích tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu (NVL) A tại đơn vị sự nghiệp Z. Số dư đầu năm của TK 15 là 10.000.000đ, trong kỳ trị giá NVL A nhập kho là 40.000.000đ, cuối năm tồn 15.000.000đ. Biết NVL được mua từ nguồn ngân sách cấp để phục vụ hoạt động thường xuyên. Hỏi cuối năm bút toán nào sau đây được kế toán phản ánh.

A. Nợ TK 3661: 35.000.000/Có TK 511: 35.000.000

B. Nợ TK 611: 35.000.000/Có TK 152A 35.000.000

C. Nợ TK 3371: 40.000.000/Có TK 3661: 40.000.000

D. Nợ TK 611: 15.000.000/Có TK 152A 15.000.000

ANSWER: A

Câu 8b: Trích tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu (NVL) A tại đơn vị sự nghiệp Z. Số dư đầu năm của TK 15 là 20.000.000đ, trong kỳ trị giá NVL A nhập kho là 40.000.000đ, cuối năm tồn 15.000.000đ. Biết NVL được mua từ nguồn ngân sách cấp để phục vụ hoạt động thường xuyên. Hỏi cuối năm bút toán nào sau đây được kế toán phản ánh.

A. Nợ TK 3661: 45.000.000/Có TK 511: 45.000.000

B. Nợ TK 611: 45.000.000/Có TK 152A 45.000.000

C. Nợ TK 3371: 40.000.000/Có TK 3661: 40.000.000

D. Nợ TK 611: 15.000.000/Có TK 152A 15.000.000

ANSWER: A

Câu 9: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 9a: Quỹ phúc lợi dùng vào mục đích nào?

A. Khám chữa bệnh, du lịch hàng năm cho cán bộ viên chức

B. Tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức

C. Khen thưởng cho cán bộ, viên chức

D. Mua sắm tài sản cố định phục vụ kinh doanh

ANSWER: A

Câu 9b: Quỹ bổ sung thu nhập dùng vào mục đích nào?

A. Tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức

B. Khám chữa bệnh, du lịch hàng năm cho cán bộ viên chức

C. Khen thưởng cho cán bộ, viên chức

D. Mua sắm tài sản cố định phục vụ kinh doanh

ANSWER: A

Câu 10: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 10a: Ngày 1/5/N, rút dự toán đầu tư xây dựng cơ bản tạm ứng thanh toán tiền xây dựng thư viện là 600.000.000đ. Chi hoạt động xây dựng cơ bản lũy kế đến ngày 1/5/N là 760.000.000đ. Hỏi bút toán đơn nào sau đây đồng thời được kế toán phản ánh vào sổ sách

A. Có TK 00921: 600.000.000

B. Có TK 00921: 760.000.000

C. Có TK 00811: 600.000.000

D. Có TK 00811: 760.000.000

ANSWER: A

Câu 10b: Ngày 1/5/N, rút dự toán đầu tư xây dựng cơ bản tạm ứng thanh toán tiền xây dựng thư viện là 500.000.000đ. Chi hoạt động xây dựng cơ bản lũy kế đến ngày 1/5/N là 760.000.000đ. Hỏi bút toán đơn nào sau đây đồng thời được kế toán phản ánh vào sổ sách

A. Có TK 00921: 500.000.000

B. Có TK 00921: 760.000.000

C. Có TK 00811: 500.000.000

D. Có TK 00811: 760.000.000

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)

Random 1 trong 2 bài dưới đây

Bài TL A: (6,0 điểm)

Trích dữ liệu kế toán tại một đơn vị dự toán ngân sách, bệnh viện công lập A như sau:

- **Chính sách kế toán áp dụng:**

- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;

- **Số dư ngày 01/03/N của một số tài khoản như sau:**

- TK 00821: 2.500.000.000đ
- TK 01221: 80.000.000đ

- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

- **Trích một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng 3/N**

1a. Ngày 07, bệnh viện mua nhập kho găng tay phẫu thuật giá chưa thuế là 50.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho nhà cung cấp X. Chi phí vận chuyển hàng mua về kho đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 220.000đ, thanh toán bằng tiền mặt. **(1,5 điểm)**

2a. Ngày 09, bệnh viện lập hội đồng thanh lý 1 máy chụp X quang, có nguyên giá 1.200.000.000đ, đã hao mòn lũy kế là 950.000.000đ, chi phí thanh lý là 20.000.000đ thanh toán bằng chuyển khoản, thu thanh lý là 280.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng và thu tiền bán hồ sơ thầu mua tài sản cố định là 2.500.000đ thu bằng tiền mặt. Biết theo cơ chế tài chính, số chênh lệch thu lớn hơn chi thanh lý được để lại đơn vị. **(2,0 điểm)**

3a. Ngày 10, bệnh viện thực hiện rút dự toán chi hoạt động thanh toán nợ cho nhà cung cấp X là 33.000.000đ, còn lại thanh toán lương tháng 2 cho cán bộ nhân viên là 168.000.000đ **(0,75 điểm)**

4a. Ngày 15, bệnh viện thu viện phí bằng tiền gửi ngân hàng là 275.000.000đ và tiền cho thuê bãi giữ xe là 20.000.000đ. **(0,5 điểm)**

5a. Ngày 18, bệnh viện chuyển khoản tiền (nguồn tiền từ lệnh chi tiền thực chi) tổ chức hội thảo chuyên đề là 80.000.000đ **(1,25 điểm)**

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị

Bài TL B: (6,0 điểm)

Trích dữ liệu kế toán tại một đơn vị dự toán ngân sách, bệnh viện công lập A như sau:

- **Chính sách kế toán áp dụng:**

- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;

- **Số dư ngày 01/03/N của một số tài khoản như sau:**

- TK 00821: 3.000.000.000đ
- TK 01221: 50.000.000đ
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

- **Trích một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng 3/N**

1b. Ngày 02, bệnh viện thu viện phí bằng tiền mặt là 85.000.000đ và tiền cho thuê căn tin là 35.000.000đ. **(0,5 điểm)**

2b. Ngày 06, bệnh viện chuyển khoản tiền (nguồn tiền từ lệnh chi tiền thực chi) tổ chức hội thảo chuyên đề là 50.000.000đ **(1,25 điểm)**

3b. Ngày 09, bệnh viện mua nhập kho găng tay phẫu thuật giá chưa thuế là 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho nhà cung cấp X. Chi phí vận chuyển hàng mua về kho đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 330.000đ, thanh toán bằng tiền mặt. **(1,5 điểm)**

4b. Ngày 12, bệnh viện thực hiện rút dự toán chi hoạt động thanh toán nợ cho nhà cung cấp X là 33.000.000đ, còn lại thanh toán lương tháng 2 cho cán bộ nhân viên là 168.000.000đ **(0,75 điểm)**

5b. Ngày 25, bệnh viện lập hội đồng thanh lý 1 máy chụp X quang, có nguyên giá 1.000.000.000đ, đã hao mòn lũy kế là 900.000.000đ, chi phí thanh lý là 20.000.000đ thanh toán bằng chuyển khoản, thu thanh lý là 230.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng và thu tiền bán hồ sơ thầu mua tài sản cố định là 2.500.000đ thu bằng tiền mặt. Biết theo cơ chế tài chính, số chênh lệch thu lớn hơn chi thanh lý được để lại đơn vị. **(2,0 điểm)**

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị

ĐÁP ÁN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài TL 1 A: (6,0 điểm)

1a. Ngày 07, kế toán mua nhập kho găng tay phẫu thuật giá chưa thuế là 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho nhà cung cấp X. Chi phí vận chuyển hàng mua về kho đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 220.000đ, thanh toán bằng tiền mặt. **(1,5 điểm)**

- Giá mua : (0,5 điểm)

Nợ TK 153 55.000.000

 Có TK 331X 55.000.000

- Chi phí mua: (0,5 điểm)

Nợ TK 611 220.000

 Có TK 111 220.000

- Đồng thời ghi: (0,5 điểm)

Nợ TK 3371 220.000

 Có TK 511 220.000

2a. Ngày 09, bệnh viện lập hội đồng thanh lý 1 máy chụp X quang, có nguyên giá 1.200.000.000đ, đã hao mòn lũy kế là 950.000.000đ, chi phí thanh lý là 20.000.000đ thanh

toán bằng chuyển khoản, thu thanh lý là 280.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng và thu tiền bán hồ sơ thầu mua tài sản cố định là 2.500.000đ thu bằng tiền mặt. Biết theo cơ chế tài chính, số chênh lệch thu lớn hơn chi thanh lý được để lại đơn vị. **(2,0 điểm)**

- Ghi giảm TSCĐ khi thanh lý: (0,5 điểm)

Nợ TK 36611	250.000.000
Nợ TK 214	950.000.000
Có TK 211	1.200.000.000

- Chi phí thanh lý tài sản cố định: (0,5 điểm)

Nợ TK 811	20.000.000
Có TK 112	20.000.000

- Phản ánh về số thu thanh lý TSCĐ: (0,5 điểm)

Nợ TK 112	280.000.000
Có TK 711	280.000.000

- Phản ánh về số thu tiền bán hồ sơ thầu: (0,5 điểm)

Nợ TK 111	2.500.000
Có TK 711	2.500.000

3a. Ngày 10, bệnh viện thực hiện rút dự toán chi hoạt động thanh toán nợ cho nhà cung cấp X là 33.000.000đ, còn lại thanh toán lương tháng 2 cho cán bộ nhân viên là 168.000.000đ **(0,75 điểm)**

- Thanh toán nợ nhà cung cấp, trả lương: (0,5 điểm)

Nợ TK 331X	33.000.000
Nợ TK 334	168.000.000
Có TK 3661	33.000.000
Có TK 511	168.000.000

- Đồng thời ghi: (0,25 điểm)

Có TK 008	33.168.000
-----------	------------

4.a Ngày 15, bệnh viện thu viện phí bằng tiền mặt là 75.000.000đ. **(0,5 điểm)**

- Thu viện phí: (0,5 điểm)

Nợ TK 112	295.000.000
Có TK 531	295.000.000

5a. Ngày 18, bệnh viện chuyển khoản tiền (nguồn tiền từ lệnh chi tiền thực chi) tổ chức hội thảo chuyên đề là 80.000.000đ **(1,25 điểm)**

- Chuyển khoản : (0,5 điểm)

Nợ TK 611 80.000.000
 Có TK 112 80.000.000

- Đồng thời ghi: (0,25 điểm)

Có TK 01221 80.000.000

- Đồng thời ghi: (0,5 điểm)

Nợ TK 3371 80.000.000
 Có TK 511 80.000.000

Bài TL B: (8,0 điểm)

1b. Ngày 02, bệnh viện thu tiền mặt gồm tiền viện phí là 85.000.000đ và tiền cho thuê căn tin là 35.000.000đ. **(0,5 điểm)**

- Thu viện phí: (0,5 điểm)

Nợ TK 111 120.000.000
 Có TK 531 120.000.000

2b. Ngày 06, bệnh viện chuyển khoản tiền (nguồn tiền từ lệnh chi tiền thực chi) tổ chức hội thảo chuyên đề là 50.000.000đ **(1,25 điểm)**

- Chuyển khoản : (0,5 điểm)

Nợ TK 611 50.000.000
 Có TK 112 50.000.000

- Đồng thời ghi: (0,25 điểm)

Có TK 01221 50.000.000

- Đồng thời ghi: (0,5 điểm)

Nợ TK 3371 50.000.000
 Có TK 511 50.000.000

3b. Ngày 09, kế toán mua nhập kho găng tay phẫu thuật giá chưa thuế là 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho nhà cung cấp X. Chi phí vận chuyển hàng mua về kho đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 330.000đ, thanh toán bằng tiền mặt. **(1,5 điểm)**

- Giá mua : (0,5 điểm)

Nợ TK 153 33.000.000
 Có TK 331X 33.000.000

- Chi phí mua: (0,5 điểm)

Nợ TK 611 330.000
 Có TK 111 330.000

- Đồng thời ghi: (0,5 điểm)

Nợ TK 3371 330.000
 Có TK 511 330.000

4b. Ngày 12, bệnh viện thực hiện rút dự toán chi hoạt động thanh toán nợ cho nhà cung cấp X là 33.000.000đ, còn lại thanh toán lương tháng 2 cho cán bộ nhân viên là 168.000.000đ **(0,75 điểm)**

- Thanh toán nợ nhà cung cấp, trả lương: (0,5 điểm)

Nợ TK 331X 33.000.000
 Nợ TK 334 168.000.000
 Có TK 3661 33.000.000
 Có TK 511 168.000.000

- Đồng thời ghi: (0,25 điểm)

Có TK 008 33.168.000

5b. Ngày 25, bệnh viện lập hội đồng thanh lý 1 máy chụp X quang, có nguyên giá 1.000.000.000đ, đã hao mòn lũy kế là 900.000.000đ, chi phí thanh lý là 20.000.000đ thanh toán bằng chuyển khoản, thu thanh lý là 230.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng và thu tiền bán hồ sơ thầu mua tài sản cố định là 2.500.000đ thu bằng tiền mặt. Biết theo cơ chế tài chính, số chênh lệch thu lớn hơn chi thanh lý được để lại đơn vị. **(2,0 điểm)**

- Ghi giảm TSCĐ khi thanh lý: (0,5 điểm)

Nợ TK 36611 200.000.000
 Nợ TK 214 800.000.000
 Có TK 211 1.000.000.000

- Chi phí thanh lý tài sản cố định: (0,5 điểm)

Nợ TK 811 20.000.000
 Có TK 112 20.000.000

- Phản ánh về số thu thanh lý TSCĐ: (0,5 điểm)

Nợ TK 112 230.000.000
 Có TK 711 230.000.000

- Phản ánh về số thu tiền bán hồ sơ thầu: (0,5 điểm)

Nợ TK 111 2.500.000
 Có TK 711 2.500.000

Ngày biên soạn: 09/11/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: Lê Ngọc Anh

Ngày kiểm duyệt: 13/11/2023

Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: Phan Minh Nguyệt

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhật Linh (**0918.01.03.09**).

Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.